CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2024

CTCP Gạch ngói Nhị Hiệp

Ngày 31/03/2024	32,100 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	13.8%	**-2.7%**	**-**

DT thuần
Q1/24
4.09
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.63| -13.3%
YoY: ▲ 1.51| 58.6%

LN thuần
Q1/24
-0.28
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.11| -62.9%
YoY: ▼0.14| -97.9%

LN sau thuế
Q1/24
-0.36
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.04| 8.8%
YoY: ▼0.13| -58.5%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/24
-5.5%
YoY: +/-▼ 1.1%

ROE (TTM)
Q1/24
-2.2%
YoY: +/-▼ 0.3%

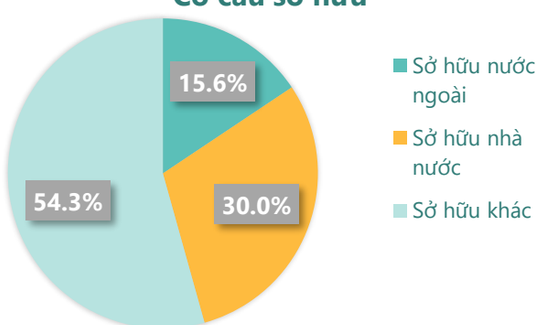
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	22,427 - 36,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	98
Số lượng CPLH (CP)	3,041,542
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,775
Sở hữu nước ngoài	15.6%
Beta	0.58
EPS	-398
P/E	-80.7

DT thuần
2023
13.6
tỷ VNĐ
YoY: ▼19.8| -59.2%

LN thuần
2023
-0.42
tỷ VNĐ
YoY: ▼4.25| -111%

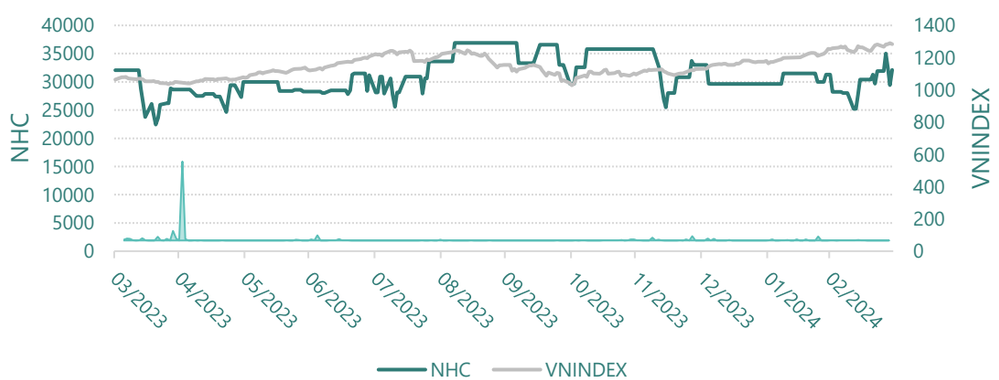
LN sau thuế
2023
-1.04
tỷ VNĐ
YoY: ▼4.07| -134%

Cơ cấu sở hữu

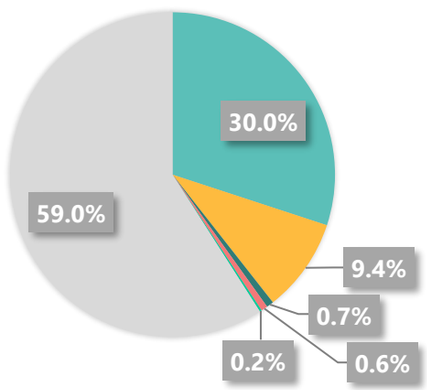


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



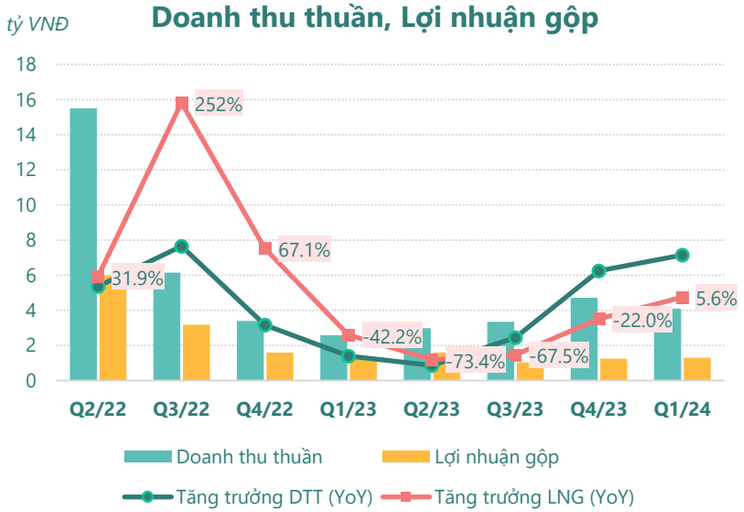
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

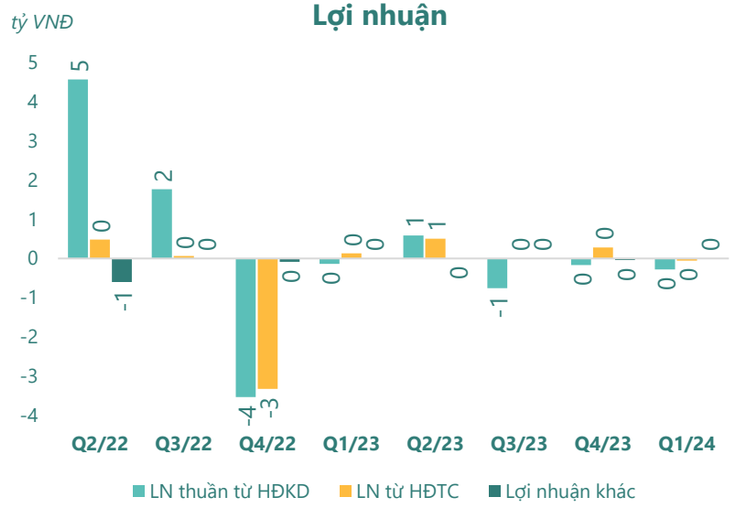
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



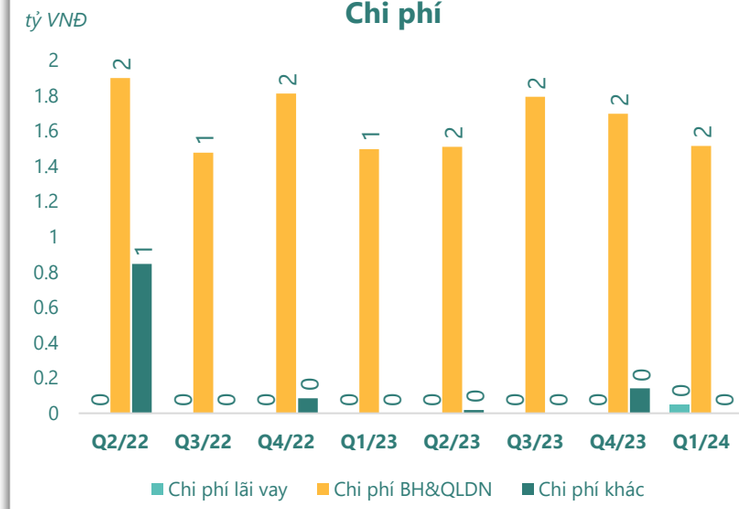
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



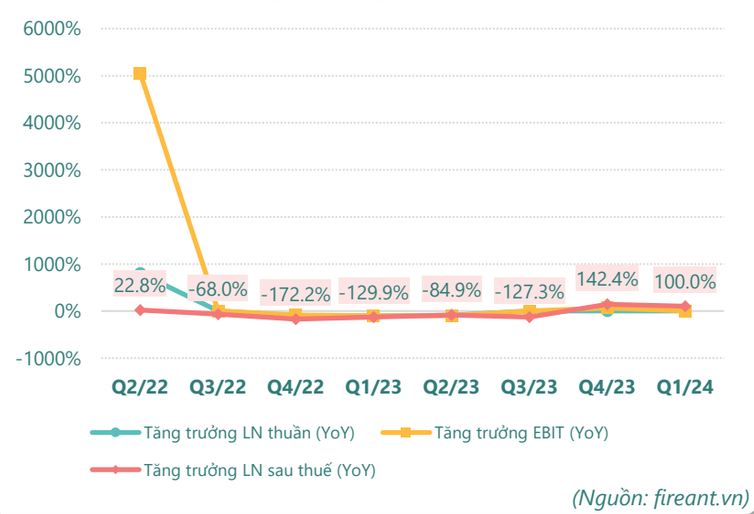
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



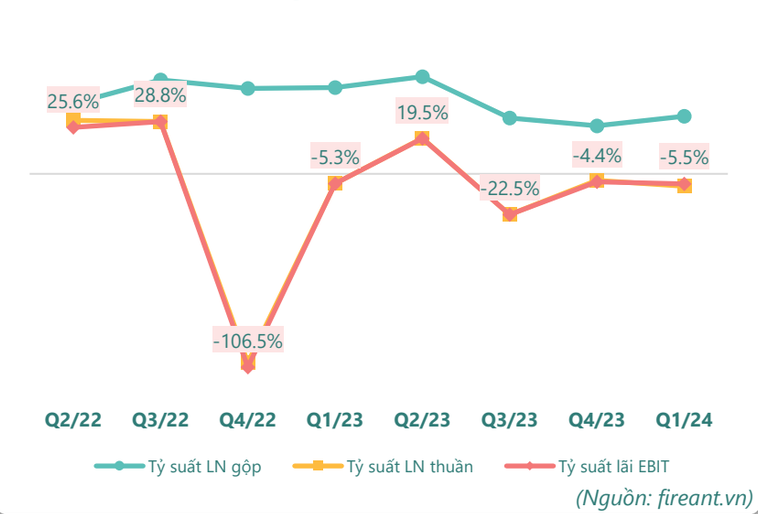
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



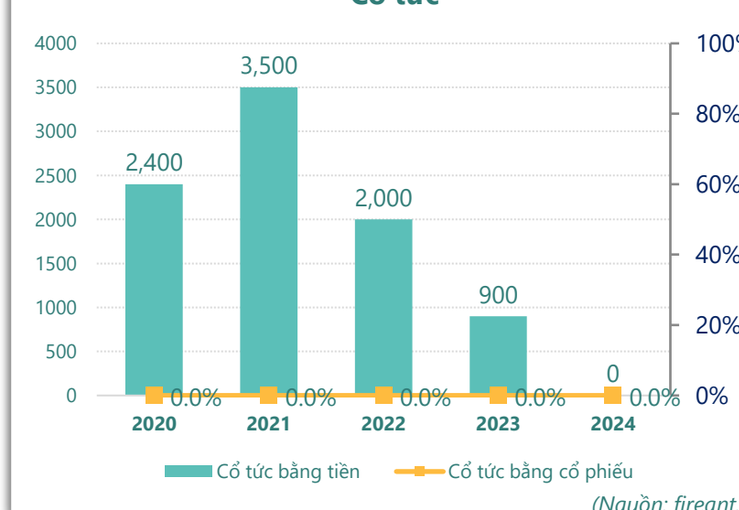
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

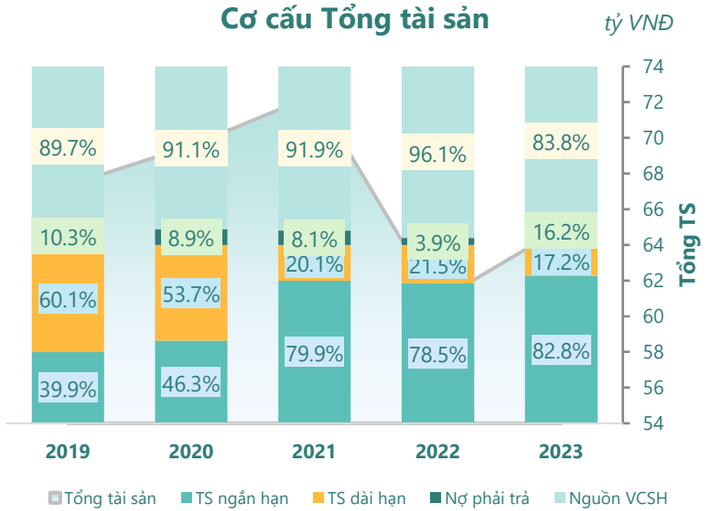
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

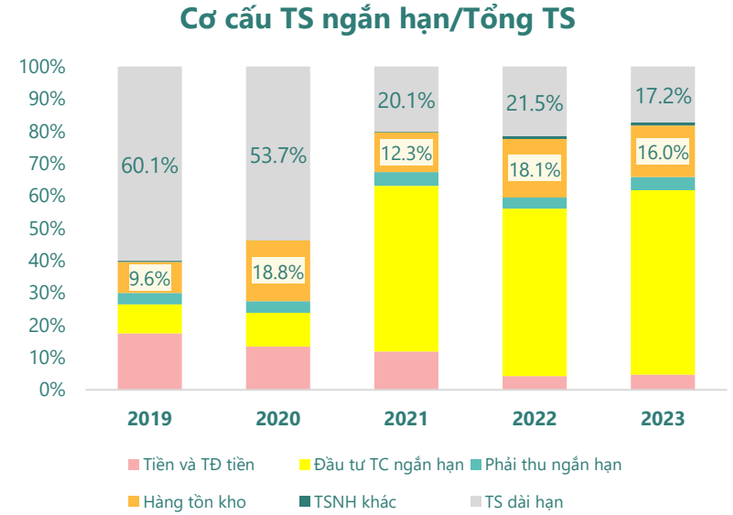
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



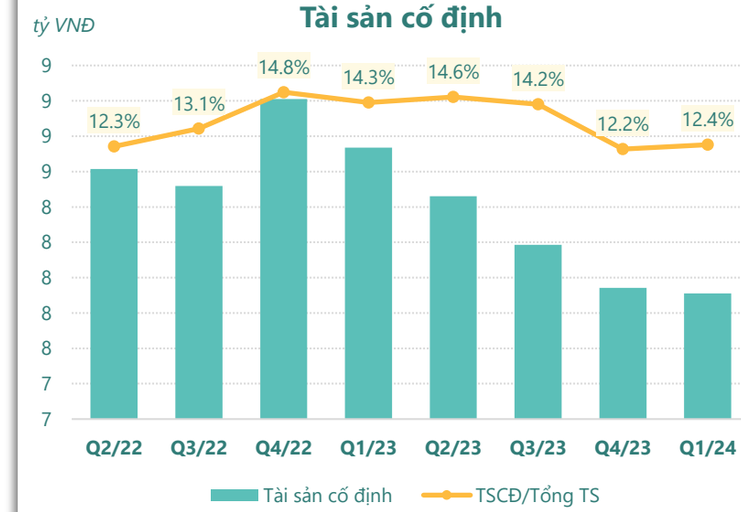
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



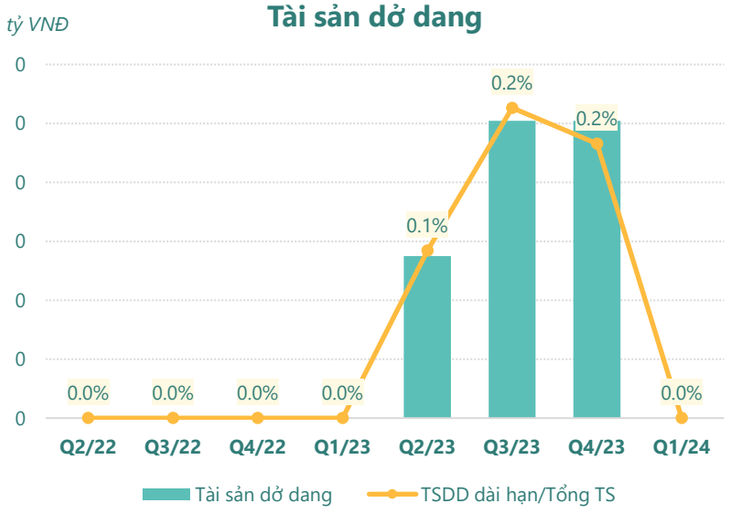
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



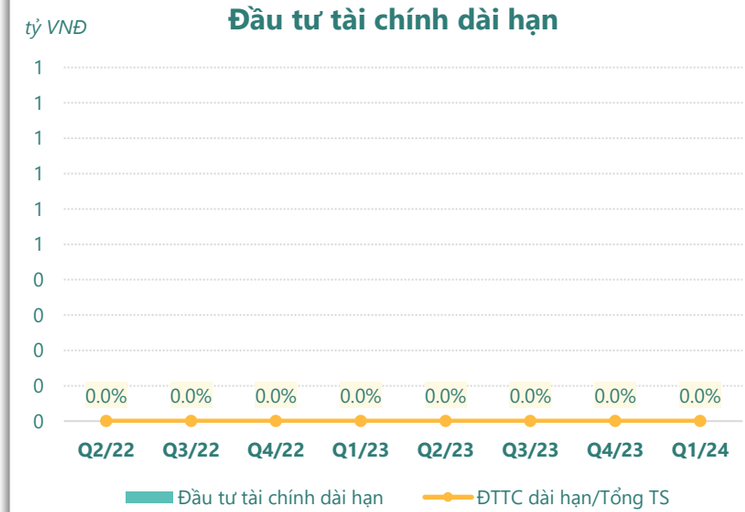
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



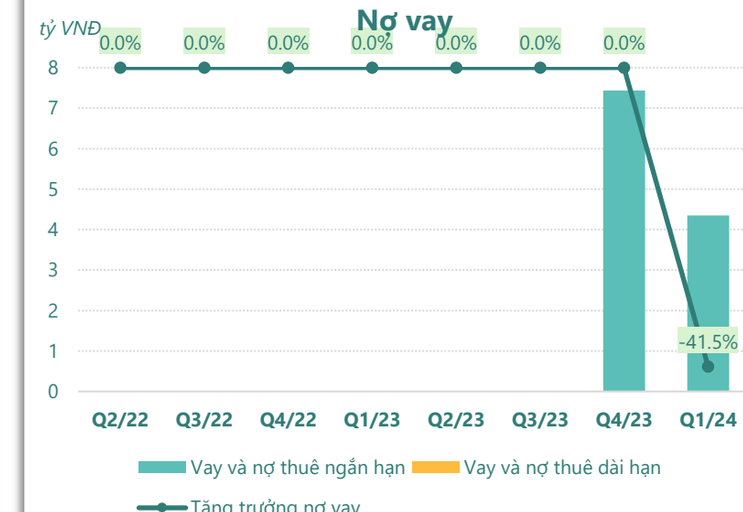
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

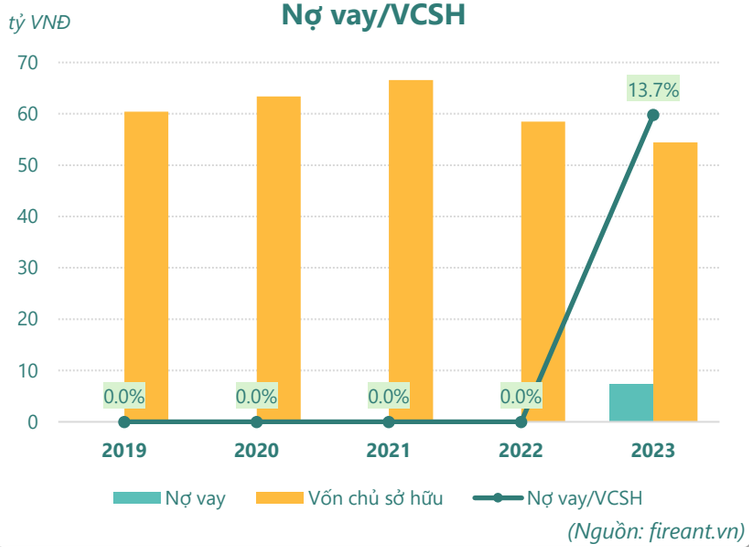
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

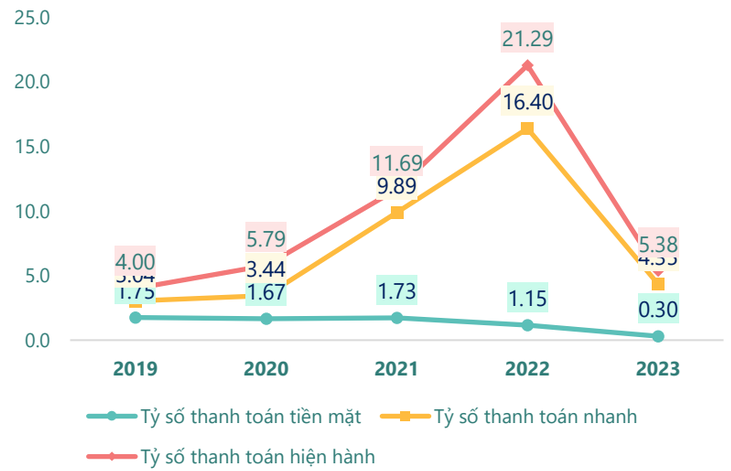
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



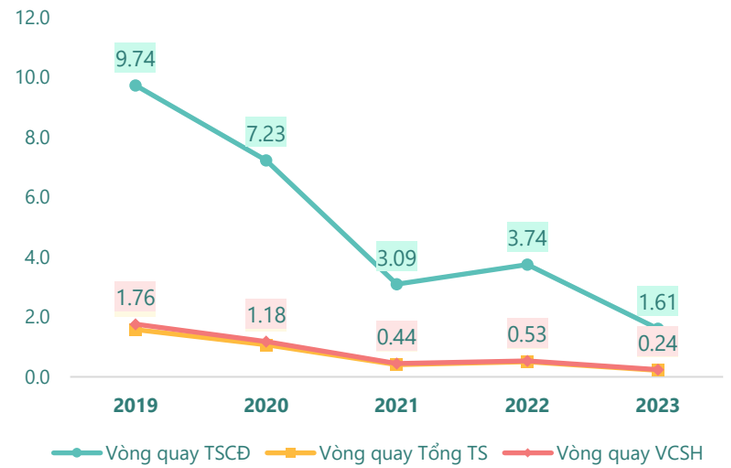
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



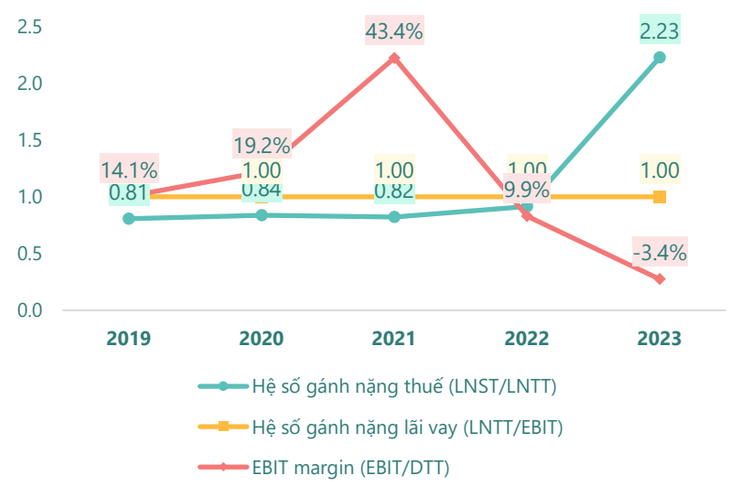
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



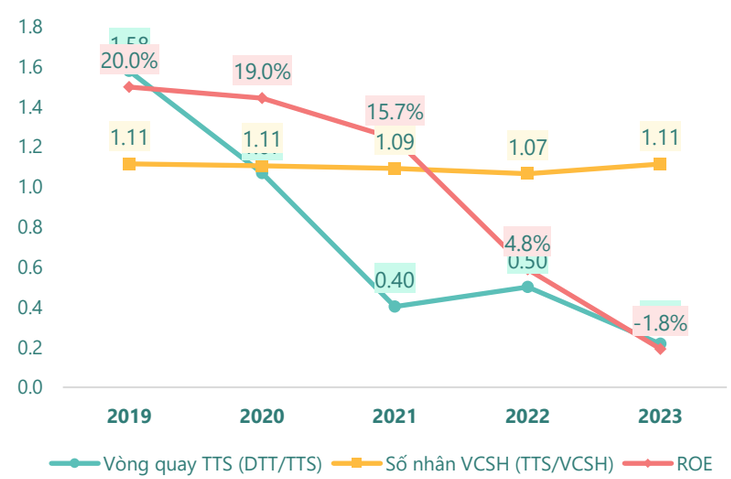
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



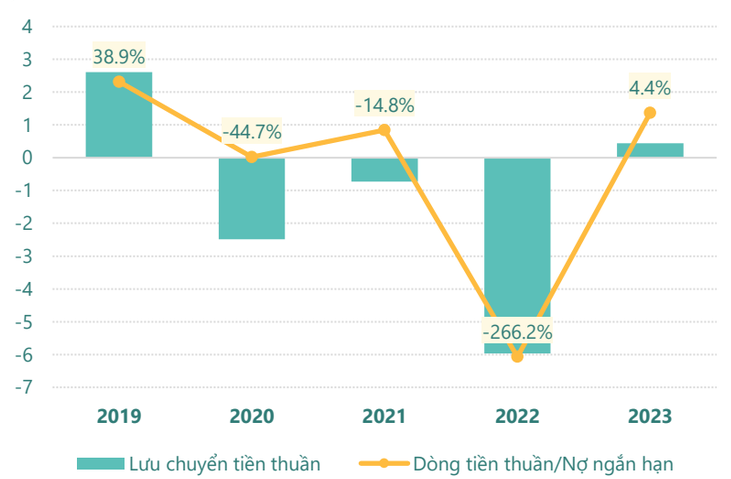
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q1/23	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**4.09**	**2.58**	**58.6%**	**13.6**	**33.4**	**-59.2%**
Giá vốn hàng bán	2.79	1.35	107%	8.52	20.5	-58.4%
Lợi nhuận gộp	1.30	1.23	5.4%	5.10	12.9	-60.4%
Doanh thu HĐTC	0.40	0.59	-32.7%	2.13	1.86	14.6%
Chi phí TC	0.45	0.46	-1.3%	1.21	4.19	-71.2%
Chi phí lãi vay	0.05	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.35	0.15	130%	0.76	1.21	-37.0%
Chi phí QLDN	**1.17**	**1.35**	**-13.3%**	**5.69**	**5.52**	**3.1%**
LN thuần từ HĐKD	-0.28	-0.14	-97.9%	-0.42	3.83	-111%
Lợi nhuận khác	**0**	**0.00**		**-0.04**	**-0.51**	**91.5%**
LN trước thuế	-0.28	-0.14	-97.9%	-0.47	3.32	-114%
Lợi nhuận sau thuế	**-0.36**	**-0.23**	**-58.5%**	**-1.04**	**3.03**	**-134%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-0.36**	**-0.23**	**-58.3%**	**-1.02**	**3.00**	**-134%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-7.15	-2.58	-1.04	1.96	2.99	2.14
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	4.13	2.00	5.48	5.22	-18.4	-0.02
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	-2.65	0	7.44	-3.09
Tiền đầu kỳ	5.61	2.59	2.01	3.81	11.0	3.03
Lưu chuyển tiền thuần	**-3.02**	**-0.58**	**1.79**	**7.18**	**-7.96**	**-0.98**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	2.59	2.01	3.81	11.0	3.03	2.06

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**63.7**	**64.9**	**-1.9%**
Tài sản ngắn hạn	52.8	53.7	-1.8%
Tiền và tương đương tiền	2.06	3.03	-32.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	37.0	37.0	0.0%
Phải thu ngắn hạn	3.36	2.65	26.6%
Hàng tồn kho	9.83	10.4	-5.1%
Tài sản ngắn hạn khác	0.50	0.66	-24.9%
Tài sản dài hạn	**10.9**	**11.2**	**-2.2%**
Phải thu dài hạn	0.47	0.47	0.0%
Tài sản cố định	7.91	7.94	-0.4%
Bất động sản đầu tư	1.21	1.22	-0.9%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**1.35**	**1.35**	**0.0%**
Lợi thế thương mại	0	0.20	-100%
Nợ phải trả	9.68	10.5	-8.0%
Nợ ngắn hạn	**9.06**	**9.98**	**-9.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	4.35	7.44	-41.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	3.51	1.32	166%
Nợ dài hạn	0.63	0.54	16.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**54.0**	**54.4**	**-0.7%**
Vốn chủ sở hữu	**54.0**	**54.4**	**-0.7%**
Vốn điều lệ	30.4	30.4	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)